

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 79/2018/DSPT
Ngày 16- 4 - 2018
V/v hợp đồng mua bán Ta
sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Huyền Trân

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Ngọc Linh
Bà Trần Thị Thúy Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang:

Ông Huỳnh Thanh Phước - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 đến ngày 16 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2018/TLPT-DS ngày 01 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán Ta sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 04 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Phú T, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 66/2018/QĐPT-DS ngày 01 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2018/QĐ-PT ngày 21 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đặng Thị Th, sinh năm 1965. (vắng mặt).

Cư trú: ấp Phú Tr, xã Phú Th, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Bà Biện Thị Kim D, sinh năm 1960. (có mặt)

Cư trú: ấp Th thị trấn Phú M, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Lê Lâm Th – Công ty TNHH MTV Lâm Th thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang. (có mặt)

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

3.1 *Nguyễn Thị Trúc L1, sinh năm 1982. (vắng mặt)*

Cư trú: ấp Phú Mỹ H, xã Phú Th, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L1: Ông Phạm Thái B, sinh năm 1971 theo văn bản ủy quyền ngày 28/3/2018. (có mặt)

Nơi cư trú: tổ 18, ấp Hòa L, thị trấn An Ch, huyện Châu Th, tỉnh An Giang.

3.2 Trương Thị G, sinh năm 1963. (có mặt)

Cư trú: ấp Phú Đ, xã Phú Th, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

3.3 Lê Thị L, sinh năm 1982. (vắng mặt)

Cư trú: ấp Phú Mỹ H, xã Phú Th, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

3.4 Nguyễn Trí H, sinh năm 1972. (có mặt)

Cư trú: tổ 10, ấp Th, thị trấn Phú M, thị trấn Phú M, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

3.5 Nguyễn Tấn T, sinh năm 1980. (vắng mặt)

Cư trú: ấp Phú Tr, xã Phú Th, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

4. *Người kháng cáo:* Bà Biện Thị Kim D bị đơn.

NỘI D V U Á N:

Theo nội dung án sơ thẩm:

1. Nguyên đơn bà Đặng Thị Th trình bày:

Vào ngày 21-3-2017 bà D có mua của bà 627 bao nếp đục giá 32.941 kg x giá 6.900 đồng/kg có số tiền 227.292.900 đồng, có trả trước tiền đặt cọc trước 5.000.000 đồng, còn nợ 222.292.900 đồng, khi nhận đủ nếp sẽ trả dứt tiền. Sau khi nhận đủ nếp bà D nói sẽ trả tiền, bà đòi tiền nhiều lần bà D không trả còn thách thức nên bà khởi kiện và Tổ hòa giải ấp Th đã hòa giải, bà D thừa nhận còn nợ tiền mua nếp nhưng nói do bà Th thiếu tiền bà L1 nên bà đã trả hết số tiền đó cho bà L1.

Bà xác định không có thiếu tiền mua nếp của bà L1, bà không có kêu bà G đưa số tiền 222.292.900 đồng cho bà L để trả cho bà L1. Bà yêu cầu bà D phải trả số tiền 222.292.900 đồng mua nếp, không yêu cầu trả lãi.

2. Bị đơn bà Biện Thị Kim D trình bày:

Vào ngày 21-3-2017 bà Trương Thị G có đem mẫu nếp đưa cho bà D xem và bà D đồng ý mua giá 6.900 đồng/kg, số lượng 627 bao nếp đục giá 32.941 kg x giá 6.900 đồng/kg thành tiền 227.292.900 đồng. Bà đưa cho bà G 5.000.000 đồng tiền cọc, qua ngày hôm sau bà D nhận đủ số nếp, số tiền còn lại 222.292.900 đồng bà D đã trả cho bà G dứt điểm. Bà Th khởi kiện, ngày 19-4-2017 Tổ hòa giải ấp Th có lập biên bản hòa giải, biên bản hòa giải có lời trình bày của bà G nhưng không có ký tên, phần cuối biên bản có các từ “ý kiến của Th yêu cầu cô D phải trả tiền trong vòng 03 ngày, đúng đến ngày 22-4-2017. Còn cô D nói đến bữa 22-4-2017 là trả không

được, cô Th không chịu đề nghị chuyển đơn lên Tòa án”, do các từ này được ghi thêm sau khi bà đã ký tên vào biên bản, khi nhận biên bản photo thấy không đúng ngày 24-4-2017 bà D có gửi đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân thị trấn Phú M, ngày 28-4-2017 UBND thị trấn Phú M có văn bản trả lời số 303/UBND-TT về việc trả lời đơn khiếu nại của bà D có nội D cho rằng tổ hòa giải đã ghi thêm vào câu “*cô D thừa nhận mua số nếp của chị Th*” tại phần trình bày của bà Th và ghi chèn thêm hai hàng chữ cuối biên bản là chưa có cơ sở pháp lý. Công văn này được bà D nhận vào 04-5-2017 và bà D có ghi vào biên bản giao nhận công văn các từ “*không đồng ý vào phần trình bày của bà Th vì tôi không có mua nếp của bà Th, tôi chỉ mua nếp của bà G và bà G đã nhận tiền cọc của tôi*”. Sau khi nhận Công văn trả lời của UBND thị trấn Phú M bà D không có khiếu nại tiếp, bà D không có thiếu tiền mua nếp của bà Th nên bà Th không được quyền kiện bà.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà Trương Thị G trình bày:

Vào ngày 21-3-2017 bà Th có kêu bán 32.941kg nếp vỏ giá 6.900kg thành tiền 227.292.900 đồng và bà đem mẫu nếp đó đưa cho bà D xem và bà D đồng ý mua số lượng và giá như trên đây. Bà D có đưa tiền cọc 5.000.000 đồng cho bà Th vì bà là người chuyên môi giới mua nếp cho bà D để hưởng tiền huê hồng. Khi mua nếp của bà Th bà có nói mua nếp dùm cho bà D để hưởng huê hồng của bà D và bà có nói với cho bà D biết là mua nếp của bà Th. Qua ngày hôm sau, toàn bộ số nếp trên được chuyển về giao cho bà D tại nhà máy của bà D. Số tiền còn lại 222.292.900 đồng vài ngày sau bà D đã đưa toàn bộ số tiền đó cho bà để trả bà Th. Do bà Th điện thoại nói với bà nhờ đưa hết số tiền đó cho bà L1 để trả số tiền mua nếp mà bà Th mua còn thiếu của bà L1 nên bà đã đưa toàn bộ số tiền 222.292.900 đồng cho bà L để bà L trả cho bà L1. Riêng tiền huê hồng bà D đã đưa đủ nên bà không còn liên quan. Bà G không có yêu cầu độc lập.

3.2 Bà Lê Thị L trình bày:

Bà L, bà Th, bà L1 và bà G không có họ hàng chỉ quen biết với nhau qua mua bán, ngày 21-01-2017 bà Th kêu tôi làm môi giới đến mua nếp giống của bà L1 để được tiền huê hồng, tôi đã mua 203 bao có giá 10.150 kg nếp giống, thành tiền 92.365.000 đồng và ngày 21-01-2017 mua thêm 19.350kg nếp giống, giá 9.000đồng/kg thành tiền 174.150.000 đồng. Tổng cộng số tiền 266.515.000 đồng, bà Th nhờ bà mua nếp dùm bà L1, không nhớ thời gian, bà Th đưa số tiền 48.515.000 đồng và bà trả số tiền này cho bà L1, số tiền còn nợ lại 218.000.000 đồng bà Th kêu bà gặp bà G lấy tiền và bà G đã đưa cho bà nhận số tiền là 222.292.900 đồng bà đã đưa cho bà L1 218.000.000 đồng, còn thừa lại 4.292.900 đồng bà giao lại bà Th không có giấy tờ, bà không còn liên quan. Bà L không có yêu cầu độc lập.

3.3 Bà Nguyễn Thị Trúc L1 trình bày:

Việc mua bán nếp giữa bà G với bà D như thế nào bà không biết, bà G và bà L có nói cho bà biết về việc bà D mua nếp của bà G số Lượng 627 bao nếp đục có giá 227.292.900 đồng, bà D đưa cho bà G 5.000.000 đồng tiền cọc. Số tiền còn Lại không biết bao nhiêu, tiền bà G đang giữ, bà G và bà L kêu bà đến nhận số tiền bà Th, do bà Th mua nếp của bà còn thiếu tiền chưa trả, cụ thể ngày 21-11-2016 ăl bà Th mua 10.150 kg nếp giống, giá 9.100 đồng/kg thành tiền 92.365.000 đồng và ngày 21-11-2017 mua 19.350 kg nếp giống, giá 9.000 đồng/kg thành tiền 174.150.000 đồng, tổng cộng hai lần mua nếp thiếu 266.515.000 đồng, bà L1 bán nếp cho bà Th thông qua người môi giới hưởng huê hồng là bà L, bà L trả 48.515.000 đồng còn lại 218.000.000 đồng chưa trả. Nay bà L đã lấy tiền của bà Th từ tiền của bà D trả cho bà G trả cho bà L1. Bà L1 không có yêu cầu độc lập.

3.4 Ông Nguyễn Trí H trình bày:

Ông H, bà Th, bà L1 có quen biết với nhau. Ông có vận chuyển số nếp giống bà Th mua của bà L1 ngày 21-11-2016 ăl do bà L điện thoại kêu ông vận chuyển nếp 203 bao có số tiền 10.150 kg nếp giống, từ kho bà Trúc L1 đến lò sấy của ông ba L để giao số nếp cho bà Th. Ông L chủ phương tiện vận chuyển nên không trực tiếp vận chuyển, Tài xế tên Nguyễn Tấn Ta vận chuyển. Vào ngày 21-01-2017 ăLi, bà L1 kêu tôi vận chuyển số nếp giống của bà L1 từ kho bà Trúc L1 đến lò sấy của ông ba L để giao cho bà Th mua của bà L1, số Lượng 19.350 kg nếp giống và tôi trực tiếp vận chuyển số nếp đó đến lò sấy của ông ba L, khi giao nếp cho bà Th không có giấy tờ nhưng có những người trực tiếp bốc vác của xe tải. Bà Th trả tiền công vận chuyển 1.916.000 đồng. Ông H không có yêu cầu độc lập.

3.5 Ông Nguyễn Tấn Ta trình bày:

Ông Ta, ông H, bà L và bà Th không có quan hệ họ hàng. Ông là tài xế lái xe cho ông H có vài lần ông H kêu tôi đến kho của bà L1 để vận chuyển nếp của bà L1 đến kho của ông ba L giao cho bà Th nhưng không nhớ thời gian, số lượng bao nhiêu. Bà Th trả tiền công vận chuyển 659.000 đồng cho ông. Ông Ta không có yêu cầu độc lập.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 02/2018/DS-ST, ngày 04 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Phú T, tỉnh An Giang, tuyên xử:

Buộc bà Biện Thị Kim D phải trả cho bà Đặng Thị Th số tiền 222.292.900 đồng (Hai trăm, hai mươi hai triệu, hai trăm, chín mươi hai ngàn, chín trăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày bà Th có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền,

hàng tháng bà D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm :

- Bà Biện Thị Kim D phải chịu 11.115.000 đồng (Mười một triệu, một trăm mười lăm ngàn đồng).

- Bà Đặng Thị Th không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.557.000 đồng (Năm triệu, năm trăm, năm mươi bảy ngàn đồng), theo biên lai thu số 0012978 ngày 20-4-2017 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú T, tỉnh An Giang.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về yêu cầu thi hành án, lãi suất quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11 tháng 01 năm 2018 bị đơn bà Biện Thị Kim D có đơn kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số 02/2018/DS-ST, ngày 04 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Phú T, tỉnh An Giang.

Các đương sự còn lại không kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú T không kháng nghị.

Xét đơn kháng cáo của bà Biện Thị Kim D đối chiếu với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ vào kết quả đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, lời khai của các đương sự, kết quả tranh luận, và phát biểu của vị Luật sư, của đại diện Kiểm sát viên tỉnh An Giang. Sau khi thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của bà Biện Thị Kim D trong hạn luật định có tạm nộp án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn không có yêu cầu phản tố và vẫn giữ yêu cầu kháng cáo. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập .

Nguyên đơn xin vắng mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L vắng mặt lần thứ 2 nên phiên tòa xét xử vắng mặt bà Th và bà L.

Luật sư Lê Lâm Th bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày ý kiến:

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà D không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Th vì thực tế bà D mua nếp của bà G không có mua của bà Th và bà D đã trả đủ tiền cho bà G. Cấp sơ thẩm căn cứ vào biên bản hòa giải cơ sở để buộc trách nhiệm bà D là không có căn cứ vì biên bản có viết thêm nên không khách quan. Cấp sơ thẩm không xem xét yêu cầu độc lập cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án là chưa xem xét toàn diện, đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng vụ án:

Việc tuân theo pháp luật, thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về hướng đề xuất giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm căn cứ Khoản 2 Điều 308 của Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà D, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 04/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Phú T, nội dung không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Th vì bà D không có mua nếp của bà Th mà mua nếp của bà G nên bà Th không đủ điều kiện khởi kiện.

Xét nội dung của vụ án và căn cứ lời khai nhận của đương sự tại phiên tòa phúc thẩm trên cơ sở các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ, kết quả tranh luận và ý kiến của Luật sư và Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy :

[1] Bị đơn bà Biện Thị Kim D kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Th vì bà xác định bà không có mua nếp của bà Th bà mua nếp của bà G và bà đã thanh toán đủ tiền cho bà G nên bà Th không có quyền khởi kiện bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà D xác định không yêu cầu giám định chữ viết thêm tại biên bản hòa giải cơ sở ngày 19/4/2017 và không cung cấp chứng cứ mới.

Bà D và bà G xác định bà G là người chuyên môi giới và hưởng huê hồng của người mua nếp. Bà G xác định đã nhận 300.000 đồng tiền huê hồng của 627 bao nếp của bà Th bán cho bà D. Bà D đã nhận đủ 627 bao nếp đục do bà G giao có giá trị 227.292.900 đồng và đã trả tiền cọc 5.000.000 đồng.

Tại nhà của bà D khi bà L và bà L1 đến gặp bà D có yêu cầu bà giao số tiền 222.292.900 đồng bà còn thiếu của bà Th để cân trừ nợ với bà L1

mua nẹp thiếu bà L1 chưa trả, bà D không đồng ý giao tiền mà điện thoại gọi bà G đến và bà đã giao đủ tiền cho bà G để bà G giao tiền cho bà L và bà L1. Bà D xác định không có mua nẹp của bà Th nên bà không có nợ tiền bà Th. Bà G xác nhận bà D mua nẹp của bà Th và còn thiếu tiền nên có điện thoại bà đến nhà của bà D để nhận tiền trả cho bà Th vì bà L và bà L1 cùng có mặt tại nhà bà D và có yêu cầu bà D giao tiền của bà Th để cản trừ nợ của bà Th còn thiếu bà L1. Do bà G điện thoại hỏi bà Th đồng ý nên bà G đã giao số tiền 222.292.900 đồng cho bà L và bà L1. Bà L1 xác định bà đã nhận số tiền 222.292.900 đồng do bà G giao cho bà L và bà L giao lại cho bà L1 để trừ nợ của bà Th. Giữa L1 và bà Th không còn nợ.

Nhận thấy, lời trình bày giữa bà D và bà G và bà L1 có mâu thuẫn nhau, bà G là người chuyên môi giới để hưởng huê hồng của người mua nẹp. Bà G xác định không có mua nẹp của bà Th bán lại cho bà D để hưởng tiền lời chênh lệch. Bà D không chứng minh được mối quan hệ người bán nẹp là bà G người mua nẹp là của bà D. Khi bà L và bà L1 đến nhà bà D để đòi tiền bà Th cản trừ nợ về ý thức bà đã biết tiền mua bán 627 bao nẹp có liên quan đến bà Th, bà phải yêu cầu bà Th có mặt hoặc yêu cầu bà Th và bà G có văn bản thỏa thuận chuyển giao quyền định đoạt tiền bán nẹp của bà Th. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ mua bán 627 bao nẹp giữa người bán là bà Th và người mua là bà D là có cơ sở. Việc bà D tự ý giao tiền cho bà G không được bà Th thừa nhận nên bà D phải có trách nhiệm trả tiền cho bà Th số tiền còn nợ 222.292.900 đồng. Cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Th là có căn cứ. Bà D kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới nên yêu cầu kháng cáo không được xem xét.

Bà L1 cho rằng bà Th còn nợ tiền mua nẹp chưa trả còn bà Th thì không thừa nhận có nợ bà L1. Bà Th xác định không có ủy quyền hay chuyển giao quyền định đoạt cho bà G thay bà nhận tiền của bà D để trả nợ cho bà L1. Do đó giữa bà D, bà G, bà L và bà L1 đã tự ý thỏa thuận cản trừ nợ mua bán nẹp tay ba với nhau mà không có sự đồng ý của bà Th là không đúng và các đương sự không có yêu cầu phản tố, không có yêu cầu độc lập cho nên cấp sơ thẩm đã dành quyền khởi kiện vụ án khác giữa bà D đối với bà G đòi lại số tiền bà G đã nhận. Bà G yêu cầu bà L và bà L1 trả lại số tiền đã nhận. Bà L1 được quyền khởi kiện bà Th đòi tiền nợ mua bán nẹp, nên không phải hủy bản án sơ thẩm theo đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị đơn .

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm:

Bà D phải đóng án phí phúc thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 430, Điều 440, Điều 370 Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và L phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Biện Thị Kim D.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 02/2018/DSST ngày 04 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Phú T:

“Buộc bà Biện Thị Kim D phải trả cho bà Đặng Thị Th số tiền 222.292.900 đồng (Hai trăm, hai mươi hai triệu, hai trăm chín mươi hai ngàn, chín trăm đồng)”.

3. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà D chịu án phí phúc thẩm số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0016500 ngày 15/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú T, tỉnh An Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND An Giang;
- Phòng KTNV-THA;
- TAND huyện;
- THA huyện;
- Tòa Dân sự;
- Văn phòng;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Thị Huyền Trân